

Số: 1794/TB-ĐHKTQD

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2022

THÔNG BÁO

Trúng tuyển hệ Liên thông đại học chính quy đợt 1 năm 2022

Căn cứ Đề án tuyển sinh đại học năm 2022 theo Quyết định số 1188/QĐ-ĐHKTQD ngày 15/6/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân;

Căn cứ Thông báo tuyển sinh số 1110/TB-ĐHKTQD ngày 20/6/2022 của Hiệu trưởng về việc tuyển sinh liên thông đại học chính quy đợt 1 năm 2022;

Căn cứ kết luận của Phó Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh liên thông đại học chính quy tại cuộc họp ngày 29/9/2022,

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân thông báo kết quả 99 thí sinh trúng tuyển Liên thông đại học chính quy đợt 1 năm 2022.


(Danh sách trúng tuyển kèm theo)

- 1. Thí sinh trúng tuyển nhập học** theo hình thức trực tuyến (online) từ ngày 06-07/10/2022 *(hướng dẫn nhập học kèm theo)*
- 2. Tổ chức đào tạo và thời gian đào tạo**
 - Chương trình đào tạo trình độ đại học; Hình thức đào tạo chính quy; Phương thức đào tạo theo tín chỉ;
 - Thời gian đào tạo được thiết kế theo hệ chính quy là 4 năm, thời gian kéo dài tối đa là 2 năm. Sinh viên đã tốt nghiệp văn bằng thứ nhất, được công nhận chuyển đổi (bảo lưu) kết quả học tập và rút ngắn thời gian học tương ứng, có thể hoàn thành chương trình từ 1,5-2 năm.
 - Mỗi năm có 02 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ/kỳ hè, hằng tuần học từ thứ 2 đến thứ 7 (có thể học cả chủ nhật), hằng ngày từ 6h00-20h00 hoặc từ 7h00-21h00.
 - Văn bằng tốt nghiệp: Bằng cử nhân và phụ lục văn bằng hình thức đào tạo chính quy.
 - Học phí: Mức học phí theo tín chỉ như hệ chính quy, năm 2022 khoảng từ 15-20 triệu đồng/năm tùy theo ngành học. Mức thay đổi theo từng năm học phù hợp với quy định của Nhà nước nhưng không quá 10%/năm.

Lưu ý: Đối với các ngành có số sinh viên (văn bằng 2 chính quy) ít hơn 20 sinh viên, Nhà trường sẽ xếp lịch học chung với sinh viên hệ đại học chính quy vào ban ngày và buổi tối các ngày trong tuần.

Thông báo này thay cho Giấy báo trúng tuyển. Những trường hợp không làm thủ tục nhập học và chuyển khoản học phí theo thời gian quy định, thí sinh được xem như từ chối nhập học.

Thông tin chi tiết, thí sinh liên hệ số điện thoại **0888.128.558**; email: xtkh@neu.edu.vn hoặc trực tiếp tại Phòng Quản lý Đào tạo, phòng 210 - tầng 2 - Nhà A1 - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (số 207 đường Giải Phóng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội).

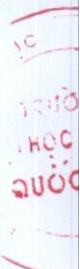
Nơi nhận: 

- Hiệu trưởng (để báo cáo);
- Phòng TT (để đăng CTTĐT);
- Lưu VT, QLĐT.

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



GS.TS. Hoàng Văn Cường



**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN HỆ LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
(VĂN BẰNG 2 CHÍNH QUY) KHÓA 64 ĐỢT 1 NĂM 2022**

(Ban hành kèm theo Thông báo số 1794/TB-ĐHKTQĐ ngày 29/9/2022 của Hiệu trưởng)

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã trúng tuyển	Ngành trúng tuyển	Mã sinh viên	
1	NEU8300082	Nguyễn Hà	Phương	17/12/1996	Nữ	7340116	Bất động sản	12220001
2	NEU8300079	Linh Giang	Khiêm	29/04/1997	Nam	7480201	Công nghệ thông tin	12220002
3	NEU8300036	Khuất Thị Phương	Anh	16/09/1994	Nữ	7340301	Kế toán	12220003
4	NEU8300045	Nguyễn Thị Minh	Châu	07/04/2000	Nữ	7340301	Kế toán	12220004
5	NEU8300080	Đỗ Tiến	Dũng	14/02/1998	Nam	7340301	Kế toán	12220005
6	NEU8300104	Nguyễn Thị Quỳnh	Hoa	27/11/1978	Nữ	7340301	Kế toán	12220006
7	NEU8300105	Vũ Thanh	Huyền	11/07/1994	Nữ	7340301	Kế toán	12220007
8	NEU8300048	Ngô Thị Ngọc	Lan	12/10/1999	Nữ	7340301	Kế toán	12220008
9	NEU8300095	Nguyễn Thị	Oanh	10/05/2000	Nữ	7340301	Kế toán	12220009
10	NEU8300050	Cao Minh	Thuận	16/11/1983	Nam	7340301	Kế toán	12220010
11	NEU8300061	Đào Văn	Tiền	14/11/1983	Nam	7340301	Kế toán	12220011
12	NEU8300099	Nguyễn Đình	Trọng	09/06/1983	Nam	7340301	Kế toán	12220012
13	NEU8300035	Phạm Minh	Tuấn	20/10/1999	Nam	7340301	Kế toán	12220013
14	NEU8300101	Nguyễn Thanh	Tùng	06/12/1999	Nam	7340301	Kế toán	12220014
15	NEU8300069	Đặng Thị	Hà	13/03/1998	Nữ	7480101	Khoa học máy tính	12220015
16	NEU8300067	Nguyễn Hoàng	Hiệp	07/01/1996	Nam	7480101	Khoa học máy tính	12220016
17	NEU8300025	Nguyễn Trung	Đức	25/11/1997	Nam	7340302	Kiểm toán	12220017
18	NEU8300017	Trần Nhật	Khánh	19/05/1997	Nam	7340302	Kiểm toán	12220018
19	NEU8300122	Phan Quốc	Nghiệp	15/11/1995	Nam	7340302	Kiểm toán	12220019
20	NEU8300016	Lê Thu Hoài	Hoài	30/03/1999	Nữ	7340120	Kinh doanh quốc tế	12220020
21	NEU8300072	Lưu Thu	Hương	15/06/2000	Nữ	7340120	Kinh doanh quốc tế	12220021
22	NEU8300112	Trịnh Thị	Lâm	23/03/2000	Nữ	7340120	Kinh doanh quốc tế	12220022
23	NEU8300107	Nguyễn Nhật	Long	16/12/1999	Nam	7340121	Kinh doanh thương mại	12220023
24	NEU8300034	Nguyễn Phương	Thảo	10/10/1999	Nữ	7340121	Kinh doanh thương mại	12220024
25	NEU8300027	Bùi Văn	Chung	04/07/1997	Nam	7310104	Kinh tế đầu tư	12220025
26	NEU8300103	Nguyễn Đức	Tiền	03/12/1999	Nam	7310104	Kinh tế đầu tư	12220026
27	NEU8300059	Lê Đình	Quang	04/05/2000	Nam	7310101	Kinh tế học	12220027
28	NEU8300062	Lã Thị Hải	Yến	26/11/1999	Nữ	7620115	Kinh tế nông nghiệp	12220028
29	NEU8300055	Vũ Linh	Chi	09/10/2000	Nữ	7310105	Kinh tế phát triển	12220029
30	NEU8300085	Nguyễn Ngọc	Thanh	09/01/1990	Nam	7310105	Kinh tế phát triển	12220030
31	NEU8300056	Dương Phương	Anh	03/09/2000	Nữ	7310106	Kinh tế quốc tế	12220031
32	NEU8300053	Ngô Quang	Khải	03/08/1994	Nam	7380101	Luật	12220032
33	NEU8300109	Đỗ Hùng	Vĩ	19/03/2000	Nam	7380101	Luật	12220033
34	NEU8300097	Đặng Minh	An	28/12/1999	Nữ	7380107	Luật kinh tế	12220034
35	NEU8300117	Nguyễn Thùy	An	16/03/1997	Nữ	7380107	Luật kinh tế	12220035
36	NEU8300026	Hoàng Viết Đại	Đại	24/03/1994	Nam	7380107	Luật kinh tế	12220036
37	NEU8300058	Ngô Quế	Giang	27/10/1999	Nữ	7380107	Luật kinh tế	12220037
38	NEU8300066	Nguyễn Hương	Giang	02/08/2000	Nữ	7380107	Luật kinh tế	12220038
39	NEU8300115	Nguyễn Văn	Kiên	29/12/1991	Nam	7380107	Luật kinh tế	12220039
40	NEU8300044	Phùng Thị Tuyết	Mai	17/01/1990	Nữ	7380107	Luật kinh tế	12220040
41	NEU8300111	Nguyễn Trí	Tạo	13/08/1990	Nam	7380107	Luật kinh tế	12220041
42	NEU8300046	Trần Đức	Thiện	22/10/1984	Nam	7380107	Luật kinh tế	12220042
43	NEU8300083	Vũ Thị Huyền	Thủy	01/08/1988	Nữ	7380107	Luật kinh tế	12220043
44	NEU8300043	Ngô Xuân	Trường	24/11/1994	Nam	7380107	Luật kinh tế	12220044
45	NEU8300088	Dương Minh	Anh	06/08/1999	Nữ	7340115	Marketing	12220045
46	NEU8300022	Nguyễn Phương	Linh	18/03/2000	Nữ	7340115	Marketing	12220046
47	NEU8300087	Nguyễn Thị	Minh	24/08/1988	Nữ	7340115	Marketing	12220047
48	NEU8300032	Nguyễn Thị Yến	Nhi	17/09/1997	Nữ	7340115	Marketing	12220048
49	NEU8300060	Nguyễn Năng	Quân	24/09/1994	Nam	7340115	Marketing	12220049
50	NEU8300108	Nguyễn Bảo	Sơn	08/10/2000	Nam	7340115	Marketing	12220050
51	NEU8300047	Lê Trần Kiều	Anh	27/12/1998	Nữ	7220201	Ngôn ngữ Anh	12220051
52	NEU8300020	Nguyễn Văn	Dũng	23/09/1999	Nam	7220201	Ngôn ngữ Anh	12220052

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã trúng tuyển	Ngành trúng tuyển	Mã sinh viên	
53	NEU8300070	Nguyễn Thị Thùy	Dương	07/04/1992	Nữ	7220201	Ngôn ngữ Anh	12220053
54	NEU8300074	Phùng Thị	Hiền	24/12/1990	Nữ	7220201	Ngôn ngữ Anh	12220054
55	NEU8300019	Tô Thị Hoa	Hoa	05/11/1993	Nữ	7220201	Ngôn ngữ Anh	12220055
56	NEU8300106	Đông Khánh	Linh	02/08/2000	Nữ	7220201	Ngôn ngữ Anh	12220056
57	NEU8300040	Nguyễn Phương	Thảo	10/10/1991	Nữ	7220201	Ngôn ngữ Anh	12220057
58	NEU8300093	Phạm Thị	Thủy	08/11/1992	Nữ	7220201	Ngôn ngữ Anh	12220058
59	NEU8300114	Phạm Ngọc Phương	Trinh	28/05/1996	Nữ	7220201	Ngôn ngữ Anh	12220059
60	NEU8300071	Đặng Thị	Phượng	01/12/1993	Nữ	7340403	Quản lý công	12220060
61	NEU8300100	Nguyễn Hải	Toàn	23/07/1986	Nam	7340403	Quản lý công	12220061
62	NEU8300102	Phan Trung	Hiếu	15/07/1995	Nam	7810103	QTĐV du lịch và LH	12220062
63	NEU8300042	Nguyễn Anh	Bảo	07/12/1998	Nam	7810201	Quản trị khách sạn	12220063
64	NEU8300089	Vũ Nguyễn Ngọc	Anh	30/12/1998	Nữ	7340101	Quản trị kinh doanh	12220064
65	NEU8300096	Tô Hồng	Đức	11/11/1997	Nam	7340101	Quản trị kinh doanh	12220065
66	NEU8300092	Tô Thị	Dung	30/08/2000	Nữ	7340101	Quản trị kinh doanh	12220066
67	NEU8300065	Lê Thế	Dương	03/08/1995	Nam	7340101	Quản trị kinh doanh	12220067
68	NEU8300023	Đỗ Thu Hà	Hà	24/08/2000	Nữ	7340101	Quản trị kinh doanh	12220068
69	NEU8300064	Đặng Nguyễn Ngọc	Hải	26/02/1995	Nam	7340101	Quản trị kinh doanh	12220069
70	NEU8300073	Nguyễn Minh	Hiếu	09/04/2000	Nam	7340101	Quản trị kinh doanh	12220070
71	NEU8300084	Bùi Duy	Hoàng	15/10/1995	Nam	7340101	Quản trị kinh doanh	12220071
72	NEU8300039	Võ Minh	Hoàng	17/04/1996	Nam	7340101	Quản trị kinh doanh	12220072
73	NEU8300057	Vũ Huy	Hùng	18/06/1998	Nam	7340101	Quản trị kinh doanh	12220073
74	NEU8300052	Phan Đức	Mạnh	28/05/2000	Nam	7340101	Quản trị kinh doanh	12220074
75	NEU8300049	Nguyễn Thúy	Quỳnh	15/09/2000	Nữ	7340101	Quản trị kinh doanh	12220075
76	NEU8300076	Từ Xuân	Quỳnh	19/09/1997	Nữ	7340101	Quản trị kinh doanh	12220076
77	NEU8300110	Hà Duy	Anh	13/02/1993	Nam	7340404	Quản trị nhân lực	12220077
78	NEU8300015	Nguyễn Thanh	Hải	03/09/1995	Nữ	7340404	Quản trị nhân lực	12220078
79	NEU8300028	Nguyễn Thùy	Linh	25/05/1998	Nữ	7340404	Quản trị nhân lực	12220079
80	NEU8300113	Hoàng Nguyệt	Anh	14/03/2000	Nữ	7340201	Tài chính-Ngân hàng	12220080
81	NEU8300018	Nguyễn Phương	Anh	03/07/2001	Nữ	7340201	Tài chính-Ngân hàng	12220081
82	NEU8300051	Hà Huy	Chiến	08/11/1986	Nam	7340201	Tài chính-Ngân hàng	12220082
83	NEU8300120	Cao Bích	Hà	01/09/1987	Nữ	7340201	Tài chính-Ngân hàng	12220083
84	NEU8300094	Trần Thu	Hương	28/08/1999	Nữ	7340201	Tài chính-Ngân hàng	12220084
85	NEU8300118	Nguyễn Phan Thanh	Huyền	29/07/1998	Nữ	7340201	Tài chính-Ngân hàng	12220085
86	NEU8300033	Vũ Văn	Khánh	13/11/1996	Nam	7340201	Tài chính-Ngân hàng	12220086
87	NEU8300090	Giàng Thị Khánh	Linh	13/02/2000	Nữ	7340201	Tài chính-Ngân hàng	12220087
88	NEU8300116	Nguyễn Thị Thảo	Linh	06/09/1999	Nữ	7340201	Tài chính-Ngân hàng	12220088
89	NEU8300021	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	10/09/1983	Nữ	7340201	Tài chính-Ngân hàng	12220089
90	NEU8300030	Trần Duy Mạnh	Mạnh	13/09/1998	Nam	7340201	Tài chính-Ngân hàng	12220090
91	NEU8300068	Nguyễn Hồng	Phúc	15/03/1998	Nam	7340201	Tài chính-Ngân hàng	12220091
92	NEU8300121	Trần Thị Kim	Phụng	02/09/1991	Nữ	7340201	Tài chính-Ngân hàng	12220092
93	NEU8300086	Phạm Tiến	Thành	28/08/1989	Nam	7340201	Tài chính-Ngân hàng	12220093
94	NEU8300091	Nguyễn Đình	Tôn	17/07/1998	Nam	7340201	Tài chính-Ngân hàng	12220094
95	NEU8300029	Nguyễn Thu	Trang	30/10/1999	Nữ	7340201	Tài chính-Ngân hàng	12220095
96	NEU8300031	Trần Ngọc	Anh	01/01/2000	Nữ	7310107	Thống kê kinh tế	12220096
97	NEU8300041	Hà Ngọc	Trang	27/10/1997	Nữ	7310107	Thống kê kinh tế	12220097
98	NEU8300123	Nguyễn Thị	Thảo	07/02/1997	Nữ	7340122	Thương mại điện tử	12220098
99	NEU8300098	Nguyễn Trọng	Thái	02/09/1995	Nam	7310108	Toán kinh tế	12220099

Danh sách trên gồm 99 thí sinh./.

TL HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

